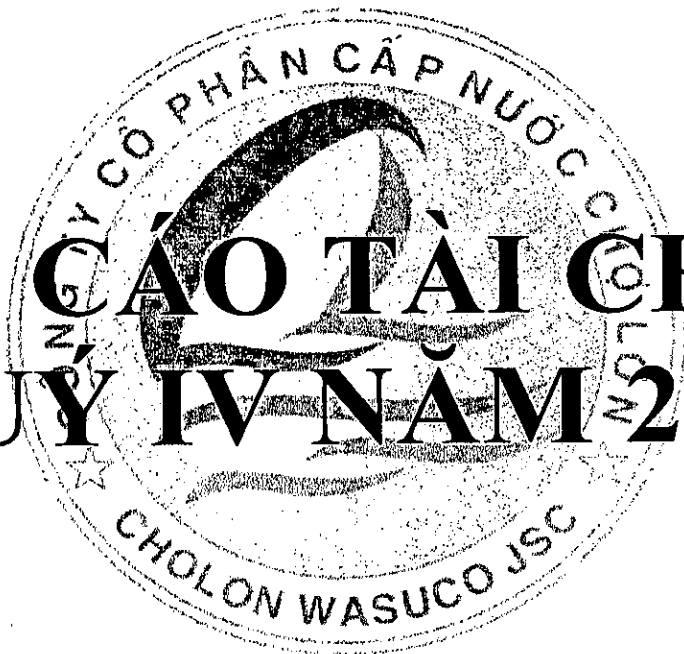


CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

97 PHẠM HỮU CHÍ P.12 Q.5

ĐT: 38552354 - FAX: 39550424

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
QUÝ IV NĂM 2014



NĂM 2014

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Mẫu B 01a-DN

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Tại ngày 31/12/2014	Tại ngày 01/01/2014
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		119,290,575,518	92,787,156,866
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	46,225,603,699	35,690,048,647
1. Tiền	111		4,093,493,145	6,635,478,073
2. Các khoản tương đương tiền	112		42,132,110,554	29,054,570,574
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		42,600,000,000	25,605,789,450
Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	42,600,000,000	25,605,789,450
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		14,409,431,495	13,743,766,678
1. Phải thu khách hàng	131	V.3	3,784,864,097	3,598,945,446
2. Trả trước cho người bán	132	V.4	8,283,235,156	7,962,841,850
3. Các khoản phải thu khác	135	V.5	4,530,188,637	4,152,887,549
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	V.6	(2,188,856,395)	(1,970,908,167)
IV. Hàng tồn kho	140	V.7	13,130,589,636	14,236,957,567
Hàng tồn kho	141		13,130,589,636	14,236,957,567
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		2,924,950,688	3,510,594,524
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8	29,379,998	102,827,585
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		2,672,866,810	3,264,821,130
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.9	222,703,880	142,945,809
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		236,455,805,756	242,743,641,310
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		235,080,516,298	240,630,436,349
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	210,394,182,581	225,419,164,430
Nguyên giá	222		574,182,716,309	552,101,921,770
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(363,788,533,728)	(326,682,757,340)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	504,103,214	912,533,067
Nguyên giá	228		3,215,946,666	2,925,946,666
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2,711,843,452)	(2,013,413,599)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.12	24,182,230,503	14,298,738,852
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		8,330,000	8,330,000
Đầu tư dài hạn khác	258		8,330,000	8,330,000
V. Tài sản dài hạn khác	260		1,366,959,458	2,104,874,961
Chi phí trả trước dài hạn	261	V.13	1,366,959,458	2,104,874,961
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		355,746,381,274	335,530,798,176

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính và phải được đọc kèm với Thuyết minh Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

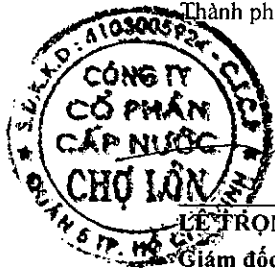
Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Tại ngày 31/12/2014	Tại ngày 01/01/2014
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		159,750,019,324	137,033,410,508
I. Nợ ngắn hạn	310		128,471,060,660	106,252,222,705
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.14	3,199,378,970	3,113,735,932
2. Phải trả người bán	312	V.15	11,809,005,133	6,147,536,753
3. Người mua trả tiền trước	313	V.16	2,075,082,766	828,929,059
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.17	8,841,432,732	14,379,843,476
5. Phải trả người lao động	315		21,764,091,595	12,807,638,503
6. Chi phí phải trả	316	V.18	35,336,631,607	15,628,306,513
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.19	42,619,992,302	50,964,478,336
8. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323	V.20	2,825,445,555	2,381,754,133
II. Nợ dài hạn	330		31,278,958,664	30,781,187,803
1. Phải trả dài hạn khác	333	V.21	21,152,569,841	17,455,420,010
2. Vay và nợ dài hạn	334	V.22	10,126,388,823	13,325,767,793
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		195,996,361,950	198,497,387,668
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.19	195,996,361,950	198,497,387,668
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		130,000,000,000	130,000,000,000
2. Quỹ đầu tư phát triển	417		32,811,930,258	22,715,880,043
3. Quỹ dự phòng tài chính	418		13,629,743,425	10,813,660,474
4. Lãi lũy kế	420		19,554,688,267	34,967,847,151
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		355,746,381,274	335,530,798,176

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Tại ngày 31/12/2014	Tại ngày 01/01/2014
Ngoại tệ: Dollar Mỹ (USD)			

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 01 năm 2015



LÊ TRỌNG HIẾU
Giám đốc

LẠI THỊ THU
Kế toán trưởng

VŨ THỊ NHƯ QUỲNH
Người lập biểu

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính và phải được đọc kèm với Thuyết minh Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2014


MẪU B 02a-DN


Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	QUÍ 4		LŨY KẾ TỪ ĐẦU NĂM	
			NĂM 2014	NĂM 2013	NĂM 2014	NĂM 2013
1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	207,153,068,663	196,363,587,838	793,560,879,648	753,040,403,568
2 Các khoản giảm trừ doanh thu	02		52,383,788	656,799,766	302,277,264	891,350,210
3 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		207,100,684,875	195,706,788,072	793,258,602,384	752,149,053,358
4 Giá vốn hàng bán	11	VI.2	191,434,537,686	166,355,910,269	741,814,733,763	688,784,232,919
5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		15,666,147,189	29,350,877,803	51,443,868,621	63,364,820,439
6 Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	1,455,229,261	2,008,595,852	3,783,052,593	4,645,511,718
7 Chi phí tài chính	22	VI.4	391,438,645	436,053,776	1,676,027,627	1,101,843,994
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		391,438,645	436,053,776	1,676,027,627	1,101,843,994
8 Chi phí bán hàng	24	VI.5	3,179,180,603	2,438,282,964	10,025,527,467	8,497,430,387
9 Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	10,203,652,823	6,674,720,659	25,167,104,971	21,325,012,853
10 Lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh	30		3,347,104,379	21,810,416,256	18,358,261,149	37,086,044,923
11 Thu nhập khác	31		2,565,283,497	8,105,852,323	7,633,065,015	8,481,730,235
12 Chi phí khác	32		(2,021,591,335)	1,169,545,023	1,367,016,344	1,234,724,909
13 Lãi/(lỗ) khác	40	VI.7	4,586,874,832	6,936,307,300	6,266,048,671	7,247,005,326
14 Tổng lỗ kế toán trước thuế	50		7,933,979,211	28,746,723,556	24,624,309,820	44,333,050,249
15 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.8	1,707,035,916	6,194,560,642	5,156,386,225	9,451,967,771
16 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-	-	-
17 Lỗ sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		6,226,943,295	22,552,162,914	19,467,923,595	34,881,082,478
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	479	1,735	1,498	2,683

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 01 năm 2015




LẠI THỊ THU
 Kế toán trưởng


VŨ THỊ NHƯ QUỲNH
 Người lập biểu

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

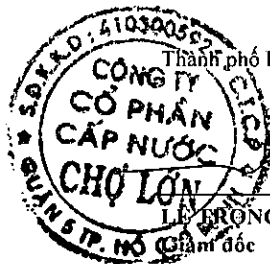
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Mẫu B 03a-DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2014	Năm 2013
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Lãi trước thuế	01		24,624,309,820	44,333,050,249
<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>				
- Khấu hao tài sản cố định	02		38,037,046,091	41,992,080,852
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	03		217,948,228	324,056,059
- Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(5,750,002,857)	(4,645,511,718)
- Chi phí lãi vay	06		1,676,027,627	1,101,843,994
<i>Lỗ từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	<i>08</i>		<i>58,805,328,909</i>	<i>83,105,519,436</i>
- Tăng các khoản phải thu	09		(659,595,074)	7,147,001,508
- Giảm hàng tồn kho	10		1,106,367,931	(886,137,675)
- Tăng các khoản phải trả	11		56,953,450,212	(33,742,889,877)
- Giảm (tăng) chi phí trả trước	12		811,363,090	(1,102,048,221)
- Tiền lãi vay đã trả	13		(1,676,027,627)	(1,101,843,994)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(9,675,977,763)	(7,650,603,054)
- Tiền thu khác cho hoạt động kinh doanh	15		1,805,188,842	6,212,329,412
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(5,717,757,179)	(9,918,088,091)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		101,752,341,341	42,063,239,444
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
- Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(58,645,288,845)	(30,107,890,608)
- Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(16,994,210,550)	(25,605,789,450)
- Lãi tiền gửi ngân hàng	27		4,276,936,768	4,301,303,280
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(71,362,562,627)	(51,412,376,778)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
- Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		-	12,038,181,377
- Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(3,113,735,932)	(1,855,467,932)
- Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(16,740,487,730)	(17,438,657,072)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(19,854,223,662)	(7,255,943,627)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		10,535,555,052	(16,605,080,961)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		35,690,048,647	52,295,129,608
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	46,225,603,699	35,690,048,647

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 01 năm 2015

LÊ TRỌNG HIẾU
Giám đốc

LẠI THỊ THU
Kế toán trưởng

VŨ THỊ NHƯ QUỲNH
Người lập biểu

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính và phải được đọc kèm với Thuyết minh Báo cáo tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU B 09a-DN

Bản Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc kèm với Báo cáo tài chính năm 2014 của Công ty Cổ phần Cấp nước Chợ Lớn (gọi tắt là “Công ty”).

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Dịch vụ, thương mại
3. **Ngành, nghề kinh doanh** :
Quản lý, phát triển hệ thống cấp nước, cung ứng, kinh doanh nước sạch cho nhu cầu tiêu dùng và sản xuất;
Tư vấn xây dựng công trình cấp nước – dân dụng – công nghiệp (trừ khảo sát xây dựng, giám sát thi công);
Xây dựng công trình cấp nước;
Thiết kế xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị;
Lập dự án;
Thẩm tra thiết kế;
Tái lập mặt đường đối với công trình chuyên ngành cấp nước;
Giám sát thi công xây dựng công trình cấp thoát nước;
Mua bán máy móc, thiết bị, vật tư ngành cấp nước;
Đại lý ký gửi hàng hóa./.

4. Nhân viên

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 395 người (tại ngày 01 tháng 01 năm 2014 là 394 người) chưa bao gồm lao động thời vụ.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính năm 2014 thuộc năm tài chính thứ 08 của Công ty kể từ ngày chính thức chuyển sang công ty cổ phần.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán và nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá chung của tập đoàn công bố vào ngày kết thúc niên độ kế toán.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính, các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

2. Các thay đổi chính sách kế toán và áp dụng hướng dẫn kế toán mới (nếu có)

Các chính sách kế toán của Công ty sử dụng để lập Báo cáo tài chính được áp dụng nhất quán với các chính sách kế toán đã được áp dụng để lập Báo cáo tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

3. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

4. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán nhật ký chung.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

2. Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính bao gồm các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty gồm tiền, phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác và các khoản tài sản dài hạn khác.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính bao gồm các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay và nợ, khoản phải trả người bán và chi phí phải trả.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau khi ghi nhận ban đầu.

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

5. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào Chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

Công nợ được trích lập dự phòng theo hướng dẫn theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra. Công ty đã trích lập dự phòng 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn 3 năm.

6. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

7. Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với hướng dẫn theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà xưởng, vật kiến trúc	06 - 25
Máy móc thiết bị	05 - 07
Thiết bị văn phòng	03 - 05
Phương tiện vận tải	03 - 06
Phương tiện truyền dẫn	05 - 10

8. Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định của Công ty thể hiện phần mềm máy tính.

Phần mềm máy tính

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm.

9. Chi phí trả trước ngắn hạn, dài hạn

Chi phí trả trước bao gồm chi phí công cụ, dụng cụ, chi phí dịch vụ mua ngoài và các chi phí khác... được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty, đã đưa vào sử dụng và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng.

10. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ.

11. Nguồn vốn kinh doanh và các quỹ

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

12. Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu được ghi khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trong trường hợp giao dịch về cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi ngân hàng

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

13. Nguyên tắc ghi nhận chi phí

Chi phí được ghi nhận theo thực tế phát sinh trên nguyên tắc phù hợp với doanh thu trong kỳ.

14. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

15. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

16. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

1. Tiền

	Tại ngày 31/12/2014	Tại ngày 01/01/2014
Tiền mặt	31,520,580	46.971.238
Tiền gửi ngân hàng	4,061,972,565	6.588.506.835
Các khoản tương đương tiền (*)	42,132,110,554	29.054.570.574
Cộng	46,225,603,699	35.690.048.647

(*) Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng tại các ngân hàng với lãi suất 6%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: lãi suất 7% đến 9,5%/năm).

2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

Tiền gửi có kỳ hạn	42,600,000,000	25.605.789.450
Cộng	42,600,000,000	25.605.789.450

(*) Phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 4 tháng đến 12 tháng tại các ngân hàng với lãi suất 6%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: lãi suất từ 7% đến 9,5%/năm).

3. Phải thu khách hàng

Các khách hàng liên quan đến dịch vụ cung cấp nước khác	343.317.812	3.598.945.446
Các khách hàng khác	3.441.546.285	
Cộng	3.784.864.097	3.598.945.446

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**4. Trả trước người bán**

	Tại ngày 31/12/2014	Tại ngày 01/01/2014
Công nợ với bên liên quan	509.716.595	416.546.597
Công Ty CP Tư Vấn XD Cấp Nước	509.716.595	416.546.597
Công nợ với nhà cung cấp khác	7.773.518.561	7.546.295.253
Công ty TNHH Hải Hoàng Dương	1.447.838.066	1.967.684.182
CN Công ty CP TVĐT&TKXD VNam (CTy TNHH TVTKXD MNam)	289.902.299	217.205.135
CN Tổng Công ty Cơ Điện-XDNN	348.040.000	348.040.000
Công Ty CP Cơ Khí Công Trình Cấp Nước	334.262.267	-
Công Ty TNHH XD B C N & Đường Ong Hoàng Thăng	810.821.820	677.562.334
Công ty CP Đầu tư Vạn Phúc Hưng	491.261.854	491.261.854
Công ty TNHH CTCTN&HT Đ.Thị M.A.T	-	197.166.753
Cty CPTV Đầu Tư Vạn Tín Phú	141.784.750	-
Cty CP KTXD Phương Nguyễn	162.179.644	-
Công ty TNHH Đan Vĩ	1.000.778.585	1.623.821.625
Công ty Quản Lý CT Giao Thông Sài Gòn	2.202.473.127	-
Công ty TNHH TM XD Việt Long	-	334.975.324
Cty TNHH TMSXXD KHK TMT Đăng Quang	178.614.039	-
Cty TVXDTM Bách Thịnh	228.281.541	-
Khách hàng khác	137.280.569	1.688.578.046
Cộng	8.283.235.156	7.962.841.850

5. Các khoản phải thu khác

Tổng Công ty cấp nước Sài Gòn	2.872.765.106	2.872.765.106
Phải thu về khoản cho mượn vật tư - Các phòng ban		
Công ty cổ phần Cấp Nước Chợ Lớn	1.310.987.218	756.805.009
Dự thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	302.321.664	493.884.175
Phải thu khác	346.436.311	29.433.259
Cộng	4.530.188.635	4.152.887.549

6. Dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng các khoản nợ trên 3 năm	2.188.856.395	1.970.908.167
Cộng	2.188.856.395	1.970.908.167

7. Hàng tồn kho

Nguyên vật liệu	10.997.996.081	10.700.522.270
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	2.132.593.555	3.536.435.297
Cộng	13.130.589.636	14.236.957.567
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Giá trị thuần của hàng tồn kho	13.130.589.636	14.236.957.567

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**8. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	Tại ngày 01/01/2014	Phát sinh trong kỳ	Kết chuyển vào chi phí trong kỳ	Tại ngày 31/12/2014
Chi phí công cụ dụng cụ	102.827.585	276.769.400	350.216.987	29.379.998
Bảo hiểm nhân thọ cho nhân viên	-	2.802.600.000	2.802.600.000	-
Cộng	102.827.585	3.079.369.400	3.152.816.987	29.379.998

9. Tài sản ngắn hạn khác

Tạm ứng		83.825.000	11.290.000
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn		138.878.880	131.655.809
Cộng		222.703.880	142.945.809

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

10. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện, vận tải truyền dẫn	Dụng cụ quản lý	Cộng
I. Nguyên giá					
1. Tại ngày 01/01/2014	2.015.263.000	1.531.852.486	538.846.352.241	9.708.454.043	552.101.921.770
2. Tăng trong kỳ	-	-	22.388.716.448	2.237.323.776	24.626.040.224
<i>Mua sắm mới</i>	-	-	-	2.237.323.776	2.237.323.776
<i>Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành</i>	-	-	22.388.716.448	-	22.388.716.448
3. Giảm trong kỳ	-	-	2.545.245.685	-	2.545.245.685
<i>Giảm nguyên giá theo quyết toán công trình</i>	-	-	2.177.111.583	-	2.177.111.583
<i>Bồi thường di dời</i>	-	-	368.134.102	-	368.134.102
4. Tại ngày 31/12/2014	2.015.263.000	1.531.852.486	558.689.823.004	11.945.777.819	574.182.716.309
II. Giá trị hao mòn lũy kế					
1. Tại ngày 01/01/2014	1.490.832.761	1.388.669.886	319.726.362.931	4.076.891.762	326.682.757.340
2. Tăng trong kỳ	71.067.564	38.523.708	35.458.454.304	1.770.570.662	37.338.616.238
3. Giảm trong kỳ	-	-	232.839.850	-	232.839.850
<i>Bồi thường di dời</i>	-	-	232.839.850	-	232.839.850
4. Tại ngày 31/12/2014	1.561.900.325	1.427.193.594	354.951.977.385	5.847.462.424	363.788.533.728
III. Giá trị còn lại					
1. Tại ngày 01/01/2014	524.430.239	143.182.600	219.119.989.310	5.631.562.281	225.419.164.430
2. Tại ngày 31/12/2014	453.362.675	104.658.892	203.737.845.619	6.098.315.395	210.394.182.581
Nguyên giá tài sản cố định đã khấu hao hết vẫn còn sử dụng, chi tiết:					
1. Tại ngày 01/01/2014	260.186.500	1.484.558.224	170.880.492.955	3.218.234.696	175.843.472.375
2. Tại ngày 31/12/2014	238.574.000	1.319.886.486	223.793.842.857	2.262.062.795	227.614.366.138

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**11. Tài sản cố định vô hình**

	Phần mềm Quản lý	Cộng TSCĐ vô hình
I. Nguyên giá		
1. Tại ngày 01/01/2014	2.925.946.666	2.925.946.666
2. Tăng trong kỳ	290.000.000	290.000.000
<i>Do mua sắm</i>	<i>290.000.000</i>	<i>290.000.000</i>
3. Giảm trong kỳ	-	-
4. Tại ngày 31/12/2014	3.215.946.666	3.215.946.666
II. Hao mòn lũy kế		
1. Tại ngày 01/01/2014	2.013.413.599	2.013.413.599
2. Tăng trong kỳ	698.429.853	698.429.853
3. Giảm trong kỳ	-	-
4. Tại ngày 31/12/2014	2.711.843.452	2.711.843.452
III. Giá trị còn lại		
1. Tại ngày 01/01/2014	912.533.067	912.533.067
2. Tại ngày 31/12/2014	504.103.214	504.103.214
Nguyên giá của tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:		
Tại 01/01/2014	904.805.876	904.805.876
Tại 31/12/2014	1.848.200.333	1.848.200.333

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Tại ngày 01/01/2014	Phát sinh trong kỳ	Kết chuyển TSCĐ trong kỳ	Kết chuyển chi phí trong kỳ	Giảm khác	Tại ngày 31/12/2014
Công trình ĐT XD CB	14.298.738.852	46.719.072.225	20.222.574.669	15.053.774.907	1.559.230.999	24.182.230.503

13. Chi phí trả trước dài hạn

	Tại ngày 01/01/2014	Phát sinh trong kỳ	Kết chuyển vào chi phí trong kỳ	Tại ngày 31/12/2014
Chi phí sửa chữa văn phòng	1.212.483.466	30.879.265	616.737.331	626.625.400
Chi phí công cụ dụng cụ	524.390.406	594.000.000	623.390.406	495.000.000
Chi phí khấu hao TSCĐ nhận bàn giao từ Tổng công ty cấp nước Sài Gòn từ các năm trước	368.001.089	-	122.667.030	245.334.059
Cộng	2.104.874.961	624.879.265	1.362.794.767	1.366.959.459

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**14. Vay và nợ ngắn hạn**

Nợ dài hạn đến hạn trả - Vay Tổng Công ty cấp nước Sài Gòn (<i>Xem thuyết minh chi tiết V.22</i>)	3.199.378.970	3.113.735.932
Cộng	3.199.378.970	3.113.735.932

15. Phải trả người bán

	Tại ngày 31/12/2014	Tại ngày 01/01/2014
Công nợ với bên liên quan	8.494.723.526	2.211.323.791
Tổng Công Ty Cấp Nước Sài Gòn	8.494.723.526	2.211.323.791
Công nợ với nhà cung cấp khác	3.314.281.607	3.936.212.962
Cty CP Đại Lộc	131.865.006	-
Cty TNHH CTCTN&HT Đô Thị M.A.T	2.202.070.836	-
DNTN Thảo Tín Vũ	77.745.141	-
Công ty TNHH ống gang cầu Đài Việt	136.510.000	-
Công ty CP ĐT XD & TM Thái Bình Dương	251.612.154	251.612.154
Công ty QL CTGT Sài Gòn	-	2.885.241.884
Công nợ khác	514.478.470	799.358.924
Cộng	11.809.005.133	6.147.536.753

16. Người mua trả tiền trước

Công nợ với bên liên quan	50.000.000	180.713.500
Công ty TNHH MTV CT Giao Thông Công Chánh	50.000.000	72.874.000
Tổng Công Ty Cấp Nước Sài Gòn	-	107.839.500
Công nợ với khách hàng khác	2.025.082.766	648.215.559
Truy thu tiền thất thoát nước	1.079.770.175	259.590.010
Tạm thu chi phí thiết kế ống ngầm	62.872.270	-
Tiền nước khách hàng	-	61.013.595
Các khách hàng khác	882.440.321	327.611.954
Cộng	2.075.082.766	828.929.059

17. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Chỉ tiêu	Số đầu kỳ	Số phải nộp	Số đã nộp	Số cuối kỳ
Thuế GTGT cung cấp dịch vụ (*)	-	-	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	6.177.473.636	5.156.386.225	9.675.977.763	1.657.882.098
Thuế thu nhập cá nhân (*)	1.203.355.208	2.163.604.789	3.366.104.159	855.838
Các loại thuế khác	6.999.014.632	75.935.574.039	75.751.893.875	7.182.694.796
- Thuế bảo vệ môi trường	6.999.014.632	75.931.854.039	75.748.173.875	7.182.694.796
- Thuế môn bài và thuế khác	0	3.720.000	3.720.000	0
Cộng	14.379.843.476	83.255.565.053	88.793.975.797	8.841.432.732

(*) Thuế nộp thừa được trình bày ở chỉ tiêu 154 "thuế và các khoản phải thu nhà nước" trên Bảng cân đối kế toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- **Thuế giá trị gia tăng**

Công ty áp dụng luật thuế giá trị gia tăng theo quy định hiện hành.

- Phương pháp tính thuế : Phương pháp khấu trừ
- Thuế suất áp dụng
 - + *Cung cấp nước* : 5 %
 - + *Lắp đặt, di dời đồng hồ và các dịch vụ khác* : 10%

- **Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Xem Thuyết minh số VI.8.

- **Các khoản thuế khác**

Công ty kê khai và nộp thuế theo qui định.

18. Chi phí phải trả

	Tại ngày 31/12/2014	Tại ngày 01/01/2014
Trích trước chi phí thuê thực hiện các công trình phát triển mạng lưới ống nước nghiệm thu nhưng chưa quyết toán.	13.413.099.646	13.965.563.003
Trích trước chi phí gấn đồng hồ nước theo nghị định 117	8.824.390.662	1.580.243.510
Trích trước chi phí mua si nước sạch phải trả tcty	12.991.141.299	-
Chi phí thù lao HĐQT	108.000.000	82.500.000
Cộng	35.336.631.607	15.628.306.513

19. Các khoản phải trả khác

Kinh phí công đoàn, các khoản bảo hiểm phải nộp	4.030.585	17.365
Nhận ký quỹ bảo lãnh thực hiện hợp đồng	1.766.117.380	1.414.128.407
Phải trả khác Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn	10.223.434.508	16.890.832.097
Phí bảo vệ môi trường được giữ lại để chi	9.271.803	7.163.539
Cổ tức phải trả cho cổ đông	904.142.978	744.630.708
Nhận tiền bồi thường giải phóng mặt bằng:	29.695.601.243	31.889.977.855
<i>Ban bồi thường giải phóng mặt bằng quận 6</i>	21.602.479.000	21.602.479.000
<i>Ban Quản Lý Dự Án Cải Tạo Kênh Ba Bò</i>	-	70.502.449
<i>Ban Quản Lý Dự Án Thoát Nước Đô Thị</i>	1.075.581.594	1.849.653.139
<i>Ban QLĐT Xây Dựng Công Trình Quận 6</i>	-	475.460.455
<i>Công ty CP Đầu Tư Phát Triển Hạ Tầng IDICO</i>	-	723.708.135
<i>Khu quản lý giao thông đô thị số 1</i>	836.941.760	987.575.788
<i>Khu quản lý giao thông đô thị số 4</i>	6.180.598.889	6.180.598.889
Các khoản phải trả khác	17.393.805	17.728.365
Cộng	42.619.992.302	50.964.478.336

20. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Số đầu kỳ	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Tăng khác	Chi quỹ trong kỳ	Số cuối kỳ
Quỹ khen thưởng	1.642.690.059	2.252.866.361	66.400.000	1.996.780.000	1.965.176.420
Quỹ phúc lợi	739.064.074	2.252.866.361	-	2.131.661.300	860.269.135
Quỹ thưởng Ban Quản lý điều hành Công ty	-	563.216.590	-	563.216.590	-
Cộng	2.381.754.133	5.068.949.312	66.400.000	4.691.657.890	2.825.445.555

21. Vay và nợ dài hạn

Vay dài hạn - Tổng Công ty cấp nước Sài Gòn.	13.325.767.793	16.439.503.725
Nợ dài hạn đến hạn trả	(3.199.378.970)	(3.113.735.932)
Cộng	10.126.388.823	13.325.767.793

Vay dài hạn Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn với mục đích đầu tư phát triển mạng lưới cấp nước, thời hạn vay là 10 và được đảm bảo bằng tài sản tài sản hình thành từ nguồn vốn vay, chi tiết nợ vay như sau:

Hợp đồng vay	Tại ngày 01/01/2014	Vay trong kỳ	Đã trả trong kỳ	Tại ngày 31/12/2014
Hợp đồng 4198/HĐVV ngày 24 tháng 08 năm 2007	37.970.111	-	27.428.000	10.542.111
Hợp đồng 4371/HĐVV ngày 05 tháng 09 năm 2007	624.399.191	-	349.996.000	274.403.191
Hợp đồng 1389/HĐVV ngày 03 tháng 04 năm 2008	729.080.927	-	570.312.000	158.768.927
Hợp đồng 1390/HĐVV ngày 03 tháng 04 năm 2008	378.390.616	-	185.200.000	193.190.616
Hợp đồng 1388/HĐVV ngày 03 tháng 04 năm 2008	2.232.297.823	-	632.000.000	1.600.297.823
Hợp đồng 4742/HĐVV ngày 11 tháng 11 năm 2009	317.476.869	-	78.427.220	239.049.649
Hợp đồng 2363/HĐVV ngày 05 tháng 08 năm 2010	81.706.811	-	12.104.712	69.602.099
Hợp đồng 3703/HĐVV ngày 26 tháng 11 năm 2012	2.276.412.460	-	141.974.000	2.134.438.460
Hợp đồng 3710/HĐVV ngày 26 tháng 11 năm 2012	4.794.557.471	-	436.644.000	4.357.913.471
Hợp đồng 3702/HĐVV ngày 26 tháng 11 năm 2012	4.967.211.446	-	679.650.000	4.287.561.446
Cộng	16.439.503.725	-	3.113.735.932	13.325.767.793

22. Các khoản phải trả dài hạn khác

Số dư khoản phải trả dài hạn khác là khoản vốn ứng để gắn đồng hồ nước của khách hàng theo các hợp đồng phát triển ống cái cấp 3 thời hạn hoàn trả trong 10 năm

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN
Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

23. Vốn chủ sở hữu

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu trong năm:

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Tại ngày 01/01/2013	130.000.000.000	20.113.571.708	8.014.728.761	28.076.081.806	186.204.382.275
Lợi nhuận tăng trong kỳ trước	-	-	-	34.881.082.478	34.881.082.478
Trích lập quỹ ĐTPPT và DPTC	-	2.602.308.335	2.798.931.713	(5.401.240.048)	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(5.038.077.085)	(5.038.077.085)
Chia cổ tức trong kỳ trước	-	-	-	(17.550.000.000)	(17.550.000.000)
Tại ngày 31/12/2013	130.000.000.000	22.715.880.043	10.813.660.474	34.967.847.151	198.497.387.668
Lợi nhuận tăng trong kỳ này	-	-	-	19.467.923.595	19.467.923.595
Trích lập quỹ ĐTPPT và DPTC	-	10.096.050.215	2.816.082.951	(12.912.133.166)	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(5.068.949.313)	(5.068.949.313)
Chia cổ tức trong kỳ này	-	-	-	(16.900.000.000)	(16.900.000.000)
Tại ngày 31/12/2014	130.000.000.000	32.811.930.258	13.629.743.425	19.554.688.267	195.996.361.950

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Vốn góp của Nhà nước	66.304.000.000	66.304.000.000
Vốn góp của các đối tượng khác	63.696.000.000	63.696.000.000
<i>Ngân hàng Thương Mại CP Phương Nam</i>	<i>14.200.000.000</i>	<i>14.200.000.000</i>
<i>Công ty Đầu Tư tài chính Nhà Nước Tp. HCM</i>	<i>3.005.000.000</i>	<i>3.005.000.000</i>
<i>Công ty CP địa Ốc Chợ Lớn</i>	<i>3.000.000.000</i>	<i>3.000.000.000</i>
<i>Ngân hàng Thương Mại CP Đông Á</i>	<i>2.766.520.000</i>	<i>2.766.520.000</i>
<i>Cổ đông khác</i>	<i>40.724.480.000</i>	<i>40.724.480.000</i>
Cộng	<u>130.000.000.000</u>	<u>130.000.000.000</u>

Cổ phiếu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	13.000.000	13.000.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	13.000.000	13.000.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>13.000.000</i>	<i>13.000.000</i>
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	13.000.000	13.000.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>13.000.000</i>	<i>13.000.000</i>
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**1. Doanh thu**

	<u>Năm 2014</u>	<u>Năm 2013</u>
Doanh thu cung cấp nước	774.417.891.006	737.496.699.830
Doanh thu cung cấp dịch vụ	18.840.711.378	14.652.353.528
Cộng	<u>793.258.602.384</u>	<u>752.149.053.358</u>

2. Giá vốn hàng bán

Giá vốn cung cấp nước	732.271.198.899	681.565.700.500
Giá vốn cung cấp dịch vụ	9.543.534.864	7.218.532.419
Cộng	<u>741.814.733.763</u>	<u>688.784.232.919</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**Chi tiết giá vốn theo yếu tố:****Giá vốn theo yếu tố-nước**

Chi phí nguyên liệu, vật liệu - nước sạch	560.534.030.438	507.430.945.508
Chi phí nguyên liệu, vật liệu khác	30.334.962.101	31.871.193.060
Chi phí nhân công	57.951.991.794	58.700.069.586
Chi phí khấu hao tài sản cố định	36.560.362.249	40.246.651.783
Chi phí thuê tài sản hoạt động	4.857.702.274	3.461.232.277
Chi phí gắn và thay đồng hồ nước	4.705.963.823	10.730.568.878
Chi phí chống thất thoát nước	1.439.604.232	1.721.155.956
Chi phí cải tạo ống mục	14.165.186.048	26.277.819.248
Chi phí sửa bể	1.080.414.838	919.975.705
Chi phí khác	17.517.964.002	853.432.872
Tổng chi phí sản xuất	729.148.181.799	682.213.044.873
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang đầu kỳ	3.123.017.100	2.475.672.724
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang cuối kỳ	-	3.123.017.097
Giá vốn cung cấp nước	732.271.198.899	681.565.700.500
<u>Giá vốn cung cấp dịch vụ</u>		
Chi phí nguyên liệu, vật liệu - nước sạch	5.757.562.834	4.259.756.704
Chi phí khác _ nhân công tái lập mặt đường Thuê ngoài	3.785.972.030	2.958.775.715
Giá vốn dịch vụ	9.543.534.864	7.218.532.419

3. Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	3.676.262.478	4.459.641.916
Lãi tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	106.460.765	185.362.626
Cổ tức, lợi nhuận được chia	329.350	507.176
Cộng	3.783.052.593	4.645.511.718

4. Chi phí tài chính

	<u>Năm 2014</u>	<u>Năm 2013</u>
Lãi vay	1.676.027.627	1.101.843.994
Cộng	1.676.027.627	1.101.843.994

5. Chi phí bán hàng

Chi phí nhân viên bán hàng	8.258.976.038	6.565.471.934
Chi phí công cụ, dụng cụ	98.006.402	260.717.456
Chi phí khấu hao	388.726.349	395.516.342
Chi phí dịch vụ mua ngoài và bằng tiền khác	1.279.818.678	1.275.724.655
Cộng	10.025.527.467	8.497.430.387

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**6. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí nhân viên	16.436.605.735	13.038.377.321
Chi phí đồ dùng văn phòng	363.676.784	532.072.897
Chi phí khấu hao	1.345.918.775	1.349.912.727
Thuế, phí và lệ phí	131.658.156	9.944.500
Chi phí dịch vụ mua ngoài và bằng tiền khác	6.889.245.521	6.394.705.408
Cộng	25.167.104.971	21.325.012.853

7. Lãi thuần từ hoạt động khác

Thu nhập bán hồ sơ mời thầu	51.272.731	56.000.004
Thu nhập khách hàng đầu tư ống cái không hoàn lại	5.372.060.458	461.994.145
Tiền bồi thường di dời hệ thống cấp nước	2.102.244.516	7.889.878.907
Thu tiền phạt	15.898.051	
Thu nhập khác	91.589.259	73.857.179
Cộng	7.633.065.015	8.481.730.235
Chi phí hồ sơ mời thầu	22.720.047	36.595.599
Chi phí thanh lý vật tư, công cụ dụng cụ		82.545.440
Chi phí di dời hệ thống cấp nước		1.104.601.344
Chi phí đầu tư ống cái không hoàn lại	1.297.031.208	
Chi phí khác	47.265.089	10.982.526
Cộng	1.367.016.344	1.234.724.909
Lãi thuần từ hoạt động khác	6.266.048.671	7.247.005.326

8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	24.624.309.820	44.333.050.249
- Đối với hoạt động sản xuất kinh doanh nước sạch	14.682.096.769	32.625.895.831
- Đối với hoạt động kinh doanh khác	9.942.213.051	11.707.154.418
Điều chỉnh thu nhập chịu thuế:	163.400.000	
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng thu nhập chịu thuế	163.400.000	
Trừ: Các khoản điều chỉnh giảm thu nhập chịu thuế	-	
Lợi nhuận tính thuế	24.787.709.820	44.333.050.249
- Đối với hoạt động sản xuất kinh doanh nước sạch (năm nay 20% - năm trước 20%)	14.845.496.769	32.625.895.831
- Đối với hoạt động kinh doanh khác (năm nay 22%, năm trước 25%)	9.942.213.051	11.707.154.418
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	5.156.386.225	9.451.967.771

Công ty nộp thuế thu nhập doanh nghiệp đối với các dự án như sau:

Đối với hoạt động chính của Công ty thuộc danh mục ngành nghề ưu đãi đầu tư, do đó Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế trong thời gian 10 năm và với thuế suất 25% trên thu nhập chịu thuế trong các năm tiếp theo. Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 2 năm kể từ năm bắt đầu kinh doanh có lãi và giảm 50% trong 3 năm tiếp theo.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đổi với hoạt động khác, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 25% trên thu nhập chịu thuế.

Năm 2007 là năm đầu tiên Công ty kinh doanh có lãi.

Năm 2014 là năm Công ty đã hết ưu đãi giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp đối với hoạt động chính của Công ty và là năm thứ sáu Công ty được tính theo mức thuế suất ưu đãi 20% trên thu nhập tính thuế.

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	<u>Năm 2014</u>	<u>Năm 2013</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	19.467.923.595	34.881.082.478
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	19.467.923.595	34.881.082.478
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	13.000.000	13.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>1.498</u>	<u>2.683</u>

10. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm 2014</u>	<u>Năm 2013</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	596.626.555.373	543.561.940.697
Chi phí nhân công	82.743.726.476	79.533.125.849
Chi phí khấu hao tài sản cố định	38.295.007.373	41.992.080.852
Chi phí dịch vụ mua ngoài và bằng tiền khác	56.219.059.879	54.494.856.306
Cộng	<u>773.884.349.101</u>	<u>719.582.003.704</u>

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

1. Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng

	<u>Năm 2014</u>
Cổ tức chưa thanh toán	904.142.978
Lãi tiền gửi còn dự thu	<u>302.321.664</u>

2. Các khoản giao dịch bằng tiền có ảnh hưởng đến sự lưu chuyển tiền tệ trong năm nên được trình bày trên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

	<u>Năm 2014</u>
Lãi tiền gửi ngân hàng còn dự thu cuối kỳ trước đã thu trong kỳ này	493.884.175
Cổ tức năm trước được chi trả trong kỳ này	744.630.708
Ứng trước tiền đầu tư mua sắm tài sản cố định	<u>205.705.897</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Nghiệp vụ và số dư các bên liên quan

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan

Tổng Công ty cấp nước Sài Gòn
Công ty CP cấp nước Bến Thành
Công ty TNHH MTV cấp nước Tân Hòa
Chi nhánh cấp nước Trung An
Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức
Công ty Công trình giao Thông Công Chánh
Công ty CP Cơ khí Công trình Cấp nước
Công ty CP tư vấn Xây dựng Cấp Nước
Công ty CP Cấp nước Phú Hòa Tân

Mối quan hệ

Công ty mẹ (nắm giữ 51% vốn Điều lệ)
Công ty cùng tập đoàn
Công ty cùng tập đoàn
Công ty cùng tập đoàn
Công ty cùng tập đoàn
Công ty cùng tập đoàn
Công ty cùng tập đoàn
Công ty cùng tập đoàn
Công ty cùng tập đoàn

Trong năm, Công ty có phát sinh giao dịch với các bên liên quan như sau:

	<u>Năm 2014</u>
Tổng Công ty cấp nước Sài Gòn	
Mua hàng hóa (vật tư, nước sạch)	577.119.204.206
Thuê tài sản hoạt động	4.857.702.274
Vay dài hạn	-
Lãi vay phải trả	1.676.027.627
Phải trả XDCB và TSCĐ	-
Phải trả do thu hộ và tiền dịch vụ khác	85.118.864
Phải thu do chi hộ	27.531.770
Phải thu nhượng bán vật tư, thi công trực cứu hỏa	-
Phải thu do cung cấp dịch vụ	<u>920.891.981</u>
Công ty Công trình giao Thông Công Chánh	
Phải trả ký quỹ, bảo lãnh thực hiện hợp đồng	20.000.000
Phải thu do cung cấp dịch vụ	<u>36.260.121</u>
Công ty CP tư vấn Xây dựng Cấp Nước	
Phải trả phí thực hiện lập báo cáo đầu tư và khảo sát, tư thiết kế, tư vấn giám sát công trình	<u>323.148.988</u>

Tại ngày 31/12/2014, Công ty có số dư với các bên liên quan như sau:

	<u>Tại ngày 31/12/2014</u>	<u>Tại ngày 01/01/2014</u>
Tổng Công ty cấp nước Sài Gòn		
Phải thu các khoản chi hộ	2.889.002.136	2.872.765.106
Phải trả thương mại	(8.494.723.526)	(2.211.323.791)
Phải trả phí thực hiện công trình XDCB	(10.223.434.508)	(16.890.832.097)

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Tại ngày 31/12/2014	Tại ngày 01/01/2014
Phải thu do cung cấp dịch vụ	118.106.686	(107.839.500)
Phải trả tiền vay	(13.325.767.793)	(16.439.503.725)
Công ty Công trình giao Thông Công Chánh		
Phải trả đặt cọc di dời đường ống	(68.000.000)	(68.000.000)
Phải trả tiền ứng trước cung cấp dịch vụ	(50.000.000)	(72.874.000)
Công ty CP tư vấn Xây dựng Cấp Nước		
Ứng trước phí thực hiện lập báo cáo đầu tư và khảo sát, tự thiết kế, tư vấn giám sát công trình	509.716.595	416.546.597

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Kế toán trưởng.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt trong năm như sau:

	Năm 2014	Năm 2013
Tiền lương	1.572.244.830	1.853.304.316
Các khoản bảo hiểm phải trả	42.607.857	29.168.052
Cộng	1.614.852.687	1.882.472.368

2. Thông tin về bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Công ty được chia thành 2 bộ phận hoạt động gồm: Bộ phận cung cấp nước sạch và bộ phận lắp đặt, di dời đồng hồ nước và các dịch vụ khác. Tuy nhiên, Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực cung cấp nước sạch các lĩnh vực còn lại chiếm tỷ lệ nhỏ, không đáng kể.

Bộ phận theo khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Công ty đều diễn ra ở khu vực hoạt động kinh doanh của Công ty (thành phố Hồ Chí Minh).

3. Công cụ tài chính

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại các Thuyết minh số V.14 và V.21 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của chủ đầu tư (bao gồm vốn đầu tư chủ sở hữu và lỗ lũy kế).

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số IV.3.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các loại công cụ tài chính

	<u>Tại ngày 31/12/2014</u>	<u>Tại ngày 01/01/2014</u>
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	46.225.603.699	35.690.048.647
Đầu tư ngắn hạn	42.600.000.000	25.605.789.450
Phải thu khách hàng	1.918.404.881	1.950.434.458
Các khoản phải thu khác	2.852.689.591	3.044.252.102
Ký quỹ ngắn hạn	138.878.880	131.655.809
Đầu tư dài hạn khác	8.330.000	8.330.000
Cộng	<u>93.743.907.051</u>	<u>66.430.510.466</u>
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	13.325.767.793	16.439.503.725
Phải trả người bán	11.809.005.133	3.262.294.869
Chi phí phải trả	35.336.631.607	15.628.306.513
Các khoản phải trả khác	62.855.116.777	67.668.086.734
Cộng	<u>123.326.521.310</u>	<u>102.998.191.841</u>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 6 tháng 11 năm 2009 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro ngoại tệ (rủi ro tỷ giá), rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Công ty đã thực hiện đánh giá một cách thận trọng các rủi ro thị trường liên quan đến hoạt kinh doanh và cho rằng Công ty không có rủi ro trọng yếu nào liên quan đến sự biến động của tỷ giá và sự thay đổi về giá khác.

Quản lý rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Toàn bộ các khoản vay của Công ty là từ Công ty mẹ và các Công ty trong cùng tập đoàn với lãi suất ổn định nên Công ty không có rủi ro về lãi suất.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng)

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chi giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu mở thư tín dụng đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đơn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định

Tiền gửi ngân hàng

Tiền gửi ngân hàng của Công ty không nhiều và được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công cụ nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Tại ngày 31/12/2014				
Vay và nợ	3.199.378.970	8.199.096.907	1.927.291.916	13.325.767.793
Phải trả người bán	11.809.005.133	-	-	11.809.005.133
Chi phí phải trả	35.336.631.607	-	-	35.336.631.607
Các khoản phải trả khác	41.702.546.936	-	21.152.569.841	62.855.116.777
Cộng	92.047.562.646	8.199.096.907	23.079.861.757	123.326.521.310
Tại ngày 01/01/2014				
Vay và nợ	3.113.735.932	9.614.031.165	3.711.736.628	16.439.503.725
Phải trả người bán	3.262.294.869	-	-	3.262.294.869
Chi phí phải trả	15.628.306.513	-	-	15.628.306.513
Các khoản phải trả khác	50.212.666.724	17.455.420.010	-	67.668.086.734
Cộng	72.217.004.038	27.069.451.175	3.711.736.628	102.998.191.841

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh toán ở mức thấp. Ban Giám đốc tin rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính đáo hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Tại ngày 31/12/2014				
Tiền và các khoản tương đương tiền	46.225.603.699	-	-	46.225.603.699
Đầu tư ngắn hạn	42.600.000.000	-	-	42.600.000.000
Phải thu khách hàng	1.918.404.881	-	-	1.918.404.881
Các khoản phải thu khác	2.852.689.591	-	-	2.852.689.591
Ký quỹ ngắn hạn	138.878.880	-	-	138.878.880
Đầu tư dài hạn khác	-	8.330.000	-	8.330.000
Cộng	93.735.577.051	8.330.000	-	93.743.907.051
Tại ngày 01/01/2014				
Tiền và các khoản tương đương tiền	35.690.048.647	-	-	35.690.048.647
Đầu tư ngắn hạn	25.605.789.450	-	-	25.605.789.450
Phải thu khách hàng	1.950.434.458	-	-	1.950.434.458
Các khoản phải thu khác	3.044.252.102	-	-	3.044.252.102
Ký quỹ ngắn hạn	131.655.809	-	-	131.655.809
Đầu tư dài hạn khác	-	8.330.000	-	8.330.000
Cộng	66.422.180.466	8.330.000	-	66.430.510.466

4. Thông tin so sánh

Số liệu đầu năm của Báo cáo tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 được lấy từ Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam.

Kết quả kinh doanh năm 2014 giảm so với kết quả kinh doanh năm 2013 do tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2014 Công ty Cổ Phần Cấp Nước Chợ Lớn và Tổng Công Ty Cấp Nước Sài Gòn chưa thanh lý hợp đồng mua bán sỉ nước sạch của năm 2014, xu hướng giá mua sỉ nước sạch năm 2014 sẽ giảm xuống vì vậy kết quả kinh doanh của năm 2014 sẽ có sự thay đổi.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 01 năm 2014



LÊ TRỌNG HIẾU
Giám đốc

LẠI THỊ THU
Kế toán trưởng

VŨ THỊ NHƯ QUỲNH
Người lập biểu

BẢN GIẢI TRÌNH CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH QUÝ 4 NĂM 2014

Theo báo cáo kết quả kinh doanh quý 4 năm 2014 của Công Ty Cổ Phần Cấp Nước Chợ Lớn, những chỉ tiêu có tỷ lệ thay đổi tăng, giảm làm ảnh hưởng đến lợi nhuận của quý 4 năm 2014 như sau:

I. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ:

a. Phân tích chỉ tiêu:

Chỉ tiêu (A)	Quý 4 năm 2014 (1)	Quý 4 năm 2013 (2)	Chênh lệch (3)=(1)-(2)	Tỷ lệ (4)=(1)/(2)
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	197,743,195,508	190,208,540,826	7,534,654,682	103.96%
Doanh thu cung cấp dịch vụ	9,357,489,367	5,498,247,246	3,859,242,121	170.19%
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	207,100,684,875	195,706,788,072	11,393,896,803	105.82%

b. Thuyết minh:

Doanh thu thuần bán hàng quý 4 năm 2014 tăng so với quý 4 năm 2013 là 11.393.896.803 đồng, tỷ lệ tăng 105.82% do:

- Sản lượng nước cung cấp quý 4 năm 2014 tăng so với quý 4 năm 2013 là 919.645 m³, tỷ lệ tăng 104%
- Doanh thu cung cấp dịch vụ quý 4 năm 2014 tăng so với quý 4 năm 2013 là 3.859.242.121 đồng, tỷ lệ tăng 170.19%

II. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

a. Phân tích chỉ tiêu:

Chỉ tiêu (A)	Quý 4 năm 2014 (1)	Quý 4 năm 2013 (2)	Chênh lệch (3)=(1)-(2)	Tỷ lệ (4)=(1)/(2)
Giá vốn hàng bán nước	188,065,896,188	164,522,349,717	23,543,546,471	114.31%
Giá vốn hàng bán cung cấp dịch vụ	3,368,641,497	1,833,560,551	1,535,080,946	183.72%
Cộng	191,434,537,686	166,355,910,268	25,078,627,417	115.08%

Trong đó chi tiết giá vốn nước:

Chỉ tiêu (A)	Quý 4 năm 2014 (1)	Quý 4 năm 2013 (2)	Chênh lệch (3)=(1)-(2)	Tỷ lệ (4)=(1)/(2)
Chi phí nguyên vật liệu – nước sạch	145,570,173,089	127,878,231,163	17,691,941,926	113.83%
Chi phí nguyên vật liệu khác	9,771,772,687	5,759,628,076	4,012,144,611	169.66%
Chi phí nhân công	21,659,525,001	15,399,556,715	6,259,968,286	140.65%
Chi phí khấu hao tài sản	8,739,492,315	11,090,916,588	(2,351,424,273)	78.80%
Chi phí thuê tài sản hoạt động	1,214,425,568	-	1,214,425,568	
Chi phí gấn và thay đồng hồ nước	7,139,565,137	-87,287,905	7,226,853,042	-8179.33%
Chi phí chống thất thoát nước	427,995,377	279,537,215	148,458,162	153.11%
Chi phí cải tạo ống mục	-6,853,661,440	3,444,628,341	(10,298,289,781)	-198.97%
Chi phí sửa bể	85,385,221	604,154,884	(518,769,663)	14.13%
Chi phí khác	311,223,234	152,984,640	158,238,594	203.43%
Tổng chi phí sản xuất	188,065,896,188	164,522,349,717	23,543,546,472	114.31%
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang đầu kỳ	0	0	-	
Giá vốn đã cung cấp	188,065,896,188	164,522,349,717	23,543,546,472	114.31%

b. Thuyết minh

Giá vốn cung cấp trong quý 4 năm 2014 so với quý 4 năm 2013 tăng 23.543.546.471 đồng, tỷ lệ 114.31% do :

- Sản lượng nước mua si quý 4 năm 2014 tăng so với quý 4 năm 2013 là 912.618 m³, tỷ lệ tăng 104%
- Giá mua si bình quân theo hợp đồng mua si nước sạch quý 4 năm 2014 tăng so với quý 4 năm 2013 là 560.22 đồng/m³, tỷ lệ tăng 109%
- Chi phí nguyên vật liệu phục vụ công tác gắn mới, thay ĐHN, ... quý 4 năm 2014 tăng so với quý 4 năm 2013 là 4.012.144.611 đồng, tỷ lệ tăng 169.66%
- Chi phí nhân công quý 4 năm 2014 tăng so với quý 4 năm 2013 là 6.259.968.286 đồng, tỷ lệ tăng 140.65%
- Chi phí thuê tài sản hoạt động tăng 1.214.425.568 đồng
- Chi phí gắn và thay ĐHN quý 4 năm 2014 tăng so với quý 4 năm 2013 là 7.226.853.042 đồng

III. CHI PHÍ BÁN HÀNG

a. Phân tích chi tiêu:

Chỉ tiêu (A)	Quý 4 năm 2014 (1)	Quý 4 năm 2013 (2)	Chênh lệch (3)=(1)-(2)	Tỷ lệ (4)=(1)/(2)
Chi phí nhân công	2,771,342,126	2,022,215,704	749,126,422	137.04%
Chi phí công cụ dụng cụ	20,435,469	28,691,000	(8,255,531)	71.23%
Chi phí khấu hao	99,940,143	103,481,811	(3,541,668)	96.58%
Chi phí dịch vụ mua ngoài + CP khác	287,462,865	283,894,449	3,568,416	101.26%
Cộng	3,179,180,603	2,438,282,964	740,897,639	130.39%

b. Thuyết minh:

Chi phí bán hàng quý 4 năm 2014 tăng so với quý 4 năm 2013 là 740.897.639 đồng, tỷ lệ tăng 130.39% do: chi phí nhân công tăng 749.126.422 đồng, tỷ lệ tăng 137.04%

IV. CHI PHÍ QUẢN LÝ

a. Phân tích chi tiêu:

Chỉ tiêu (A)	Quý 4 năm 2014 (1)	Quý 4 năm 2013 (2)	Chênh lệch (3)=(1)-(2)	Tỷ lệ (4)=(1)/(2)
Chi phí nhân công	7,023,342,724	4,203,962,017	2,819,380,707	167.06%
Chi phí công cụ dụng cụ	170,999,696	216,861,549	(45,861,853)	21.15%
Chi phí khấu hao	299,086,327	329,328,416	(30,242,089)	90.82%
Thuế, phí chuyển tiền	45,893,885	66,902,289	(21,008,404)	68.60%
Chi phí dịch vụ mua ngoài + CP khác	2,664,330,191	1,857,666,388	806,663,803	143.42%
Cộng	10,203,652,823	6,674,720,659	3,528,932,164	152.82%

b. Thuyết minh:

Chi phí quản lý doanh nghiệp quý 4 năm 2014 tăng so với quý 4 năm 2013 là 3.528.932.164 đồng, tỷ lệ tăng 152.82% do:

- Chi phí nhân công tăng: 2.819.380.707 đồng, tỷ lệ tăng 167.06%
- Chi phí dịch vụ mua ngoài và bằng tiền khác tăng 806.663.803 đồng, tỷ lệ tăng: 143.42%

V. THU NHẬP KHÁC

a. Phân tích chi tiêu:

Chỉ tiêu (A)	Quý 4 năm 2014 (1)	Quý 4 năm 2013 (2)	Chênh lệch (3)=(1)-(2)	Tỷ lệ (4)=(1)/(2)
Thu hồ sơ mời thầu	39,090,913	6,363,637	32,727,276	614.29%
Thu tiền KH đầu tư ống cái	1,096,607,614	156,494,151	940,113,463	700.73%
Thu tiền bồi thường di dời	1,388,311,207	7,889,878,907	(6,501,567,700)	
Thu khác	41,273,763	53,115,628	(11,841,865)	77.71%
Cộng	2,565,283,497	8,105,852,323	(5,540,568,826)	31.65%

b. Thuyết minh:

Thu nhập khác của quý 4 năm 2014 giảm so với quý 4 năm 2013 là 5.540.568.826 đồng, tỷ lệ giảm 68.35% do:

1. Khách hàng đầu tư ống cái không hoàn vốn tăng 940.113.463 đồng, tỷ lệ tăng 700.73%

2. Thu tiền bồi thường di dời giảm 6.501.567.700 đồng

VI. CHI PHÍ KHÁC

a. Phân tích chi tiêu:

Chỉ tiêu (A)	Quý 4 năm 2014 (1)	Quý 4 năm 2013 (2)	Chênh lệch (3)=(1)-(2)	Tỷ lệ (4)=(1)/(2)
Đăng báo mời thầu		1,400,000	(1,400,000)	0.00%
Chi phí ống cái do KH đầu tư không hoàn vốn	(2,019,058,031)		(2,019,058,031)	
Di dời hệ thống cấp nước		1,104,601,344	(1,104,601,344)	
Khác	(2,533,304)	63,543,679	(66,076,983)	-3.99%
Cộng	(2,021,591,335)	1,169,545,023	(3,191,136,358)	-172.85%

b. Thuyết minh:

Chi phí khác của quý 4 năm 2014 giảm so với quý 4 năm 2013 là 3.191.136.358 đồng do chi phí đầu tư ống cái khách hàng không hoàn vốn giảm 2.019.058.031 đồng và chi phí di dời hệ thống cấp nước không phát sinh trong quý 4 năm 2014

VII. LỢI NHUẬN:

a. Phân tích chi tiêu:

Chỉ tiêu (A)	Quý 4 năm 2014 (1)	Quý 4 năm 2013 (2)	Chênh lệch (3)=(1)-(2)	Tỷ lệ (4)=(1)/(2)
Lợi nhuận trước thuế TNDN trong đó:	7,933,979,211	28,746,723,556	(20,812,744,345)	27.60%
- Lợi nhuận hoạt động kinh doanh nước	3,347,104,379	21,810,416,257	(18,463,311,878)	15.35%
- Lợi nhuận hoạt động kinh doanh khác trong đó:	4,586,874,832	6,936,307,300	(2,349,432,468)	66.13%
Lợi nhuận của các công trình bồi thường di dời đường ống cấp nước	1,388,311,207	6,785,277,563	(5,396,966,356)	20.46%
Thuế TNDN	1,707,035,916	6,194,560,642	(4,487,524,726)	27.56%
Lợi nhuận sau thuế TNDN	6,226,943,295	22,552,162,914	(16,325,219,619)	27.61%

b. Thuyết minh:

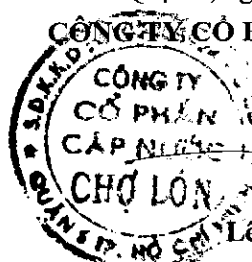

Qua phân tích các chỉ tiêu doanh thu - chi phí nêu trên thì lợi nhuận trước thuế của quý 4 năm 2014 giảm so với lợi nhuận của quý 4 năm 2013 là 20.812.744.345 đồng, tương ứng tỷ lệ giảm 72.4%, lợi nhuận sau thuế giảm 16.325.219.619 đồng, tương ứng tỷ lệ giảm 72.4%

Kết quả kinh doanh quý 4 năm 2014 giảm so với kết quả kinh doanh quý 4 năm 2013 do tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2014 Công ty Cổ Phần Cấp Nước Chợ Lớn và Tổng Công Ty Cấp Nước Sài Gòn chưa thanh lý hợp đồng mua bán si nước sạch của năm 2014, xu hướng giá mua si nước sạch năm 2014 sẽ giảm xuống vì vậy kết quả kinh doanh của năm 2014 sẽ có sự thay đổi.

Quận 5, ngày 15 tháng 01 năm 2015

Người lập Báo cáo
Kế toán trưởng


Lại Thị Thu

 Giám Đốc

Lê Trọng Hiếu